

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2025

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - VĨNH LONG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc

- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thành Chì

2. Ông Nguyễn Văn Khoa

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Văn Sĩ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/7/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1986. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: số F, ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (nay là số F, ấp X, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long)

- Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1991. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: số F, ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (nay là số F, ấp X, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ - nguyên đơn ông Nguyễn Quốc V trình bày:

Ông V và bà Phạm Thị T cưới nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới nhau vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là UBND xã Đ, tỉnh Vĩnh Long) vào năm 2010. Qua thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, ông V và bà T còn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do đó ông V yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Ông V yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị T. Ông V không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.
- Về con chung: Ông V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Nhật H, sinh ngày 17/7/2011 và Nguyễn Gia H1, sinh ngày 25/02/2017. Ông V không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt bà Phạm Thị T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Quốc V cưới nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới nhau vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là UBND xã Đ, tỉnh Vĩnh Long) vào năm 2010. Qua thời gian chung sống hạnh phúc thì vẫn có phát sinh mâu thuẫn, do tính bà T hay ghen tuông nhưng bà T còn thương chồng và mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà T và ông V còn ở chung nhà nhưng vợ chồng ngủ riêng khoảng 03 tháng nay.

- Về hôn nhân: Bà T không đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Quốc V. Nếu có ly hôn bà T không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.
- Về con chung: Nếu Tòa án có giải quyết cho ly hôn thì bà T đồng ý để ông V được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Nhật H, sinh ngày 17/7/2011 và Nguyễn Gia H1, sinh ngày 25/02/2017. Bà T không cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến giải quyết vụ án cho rằng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng; người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền của mình trong quá trình tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc V:

- Về hôn nhân: Ông V được ly hôn với bà Phạm Thị T. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết;
- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật H, sinh ngày 17/7/2011 và Nguyễn Gia H1, sinh ngày 25/02/2017 (theo nguyện vọng của 02 con chung) cho ông V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.
- Về tài sản và nợ chung: Ông V và bà T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Quốc V yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị T, do bị đơn sinh sống tại xã Đ, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc V và bà Phạm Thị T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Ông Nguyễn Quốc V và bà Phạm Thị T cưới nhau vào 2010 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là UBND xã Đ, tỉnh Vĩnh Long) vào năm 2010 nên hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai bên không có thiện chí dung hòa khắc phục mâu thuẫn, mặc dù các bên còn sống chung nhà nhưng bà T thừa nhận hay ghen tuông, điều đó cho thấy các bên không còn tin tưởng lẫn nhau, ông V và bà T đã ngủ riêng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hai bên có cuộc sống riêng, độc lập về kinh tế không tìm được tiếng nói chung. Xác định các bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho ông Nguyễn Quốc V được ly hôn với bà Phạm Thị T. Các đương sự không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: Các đương sự thống nhất giao cho ông V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhật H, sinh ngày 17/7/2011 và Nguyễn Gia H1, sinh ngày 25/02/2017 (theo nguyện vọng của 02 con chung) nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ông V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông V và bà T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Ông V phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường

vụ Quốc Hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Toà án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc V. Cho ông Nguyễn Quốc V được ly hôn với bà Phạm Thị T. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn, không có yêu cầu nên không xem xét.

- Về con chung: Ông V được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng Nguyễn Nhật H, sinh ngày 17/7/2011 và Nguyễn Gia H1, sinh ngày 25/02/2017. Ông V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Bà Phạm Thị T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông V và bà T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình: Ông V phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0012285 ngày 21/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Vĩnh Long). Như vậy án phí ông V đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 9 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hữu Lộc

